

Số 1852/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 07 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán công trình: Trồng rừng bán ngập lòng hồ thủy điện Thác Mơ thuộc xã Đức Liễu, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;

Căn cứ Giấy phép số 250/GP-BCT ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện Thác Mơ;

Căn cứ Quyết định số 2667/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án trồng rừng phòng hộ tại vùng bán ngập trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1889/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico;

Căn cứ Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1889/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Báo cáo số 237/BC-SNN-KL ngày 21/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán công trình: Trồng rừng bán ngập lòng hồ thủy điện Thác Mơ thuộc xã Đức Liễu, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình, chủ đầu tư.

- Tên công trình lâm sinh: Trồng rừng bán ngập tại lòng hồ thủy điện Thác Mơ thuộc xã Đức Liễu, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng.

- Thuộc dự án: Trồng rừng phòng hộ tại vùng bán ngập trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng.

2. Địa điểm thực hiện: Xã Đức Liễu, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

3. Mục tiêu đầu tư.

- Sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích diện tích vùng bán ngập tại các hồ thủy điện, thủy lợi trên địa bàn tỉnh được quy hoạch là rừng phòng hộ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất vùng bán ngập theo đúng các quy định an toàn cho lòng hồ.

- Tăng độ che phủ của rừng, chống xói mòn, bảo vệ đất, chống bồi lắng lòng hồ, giữ nguồn nước phục vụ cho công tác sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Cải tạo cảnh quan môi trường sinh thái tại khu vực và khu vực rừng lân cận, phục vụ du lịch sinh thái.

- Góp phần thực hiện kế hoạch trồng rừng phòng hộ tại vùng bán ngập trên địa bàn tỉnh đã được cấp Giấy phép số 250/GP-BCT ngày 07/7/2021 của Bộ Công Thương và Quyết định số 2667/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh.

4. Nội dung và quy mô.

- Nội dung: Trồng và chăm sóc rừng trồng.

- Loài cây trồng: Cây Gáo nước.

- Quy mô: Diện tích: 208,04 ha (Từ cốt ngập 216,5m đến 218,0m), trong đó: xã Đức Liễu: 37,35 ha và xã Minh Hưng: 170,69 ha.

5. Các giải pháp thiết kế chủ yếu:

- Phạm vi thực hiện: Từ cốt ngập 216,5m đến 218,0m.

- Xử lý thực bì: Xử lý thực bì toàn diện bằng phương pháp thủ công.

- Làm đất: Đất sau khi xử lý thực bì được cuốc hố trồng rừng bằng thủ công.

- Đào hố trồng rừng: Cuốc đất theo hố, kích thước hố 40x40x40cm

- Lấp hố, bón phân: Trước khi trồng khoảng 07 - 15 ngày phân bón lót cho từng hố. Phân hữu cơ bón lót với liều lượng bón: 0,3 kg/ cây.

- Trồng rừng: Trồng toàn diện, thuần loài; Mật độ trồng: 833 cây/ha (Cự ly hàng: hàng cách hàng 4 m, cự ly cây: cây cách cây 3 m). Số lượng cây con kể cả trồng dặm 15%: 958 cây/ha.

+ Tiêu chuẩn cây giống đem trồng: Cây con được ươm từ hạt, 10 - 12 tháng



tuổi, chiều cao 1 - 2,0 m, đường kính cổ rễ khoảng 1,2 - 1,5 cm; Cây khỏe mạnh, xanh tốt, phát triển cân đối, không sâu bệnh, cụt ngọn, bộ rễ phát triển tốt.

+ Cắm cọc, buộc dây sau khi trồng: Sau khi trồng xong cạnh mỗi cây cắm 1 cọc chéo vào thành hồ cho cọc tiếp xúc với thân cây, hướng cọc ngược với hướng sóng sau đó dùng dây buộc thân cây vào cọc giúp cho cây trụ vững khi sóng gió lay hoặc nước cuốn (vị trí buộc cây vào cọc từ 2/3 chiều cao cây trở lên và cọc được cắm sâu từ 0,5-0,7m).

+ Thời vụ trồng: Bắt đầu trồng đầu mùa mưa hàng năm và phụ thuộc vào mức độ ngập nước của hồ thủy điện Thác Mơ (quá trình tích nước, vận hành xả lũ của Nhà máy thủy điện Thác Mơ).

- Chăm sóc rừng trồng.

+ Chăm sóc rừng trồng năm thứ nhất: Số lần thực hiện: 02 lần/năm. Nội dung: Trồng dặm (02 lần); dây cỏ, xới vun gốc (01 lần); phát chăm sóc và cắt tỉa cành, nhánh phụ (02 lần).

+ Chăm sóc rừng trồng năm thứ 2: thực hiện 03 lần/năm. Nội dung: Phát chăm sóc toàn diện, dọn sạch dây leo, cây bụi mọc trong khu vực trồng rừng và cắt gỡ dây leo quấn quanh cây trồng, đồng thời cắt tỉa các cành phụ làm ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của cây (03 lần); dây cỏ, xới vun gốc (02 lần).

+ Chăm sóc rừng trồng năm thứ 3: Phát dọn chăm sóc rừng trồng (03 lần); xới vun gốc cây trồng (02 lần).

+ Chăm sóc rừng trồng năm thứ 4: Phát dọn chăm sóc rừng trồng (01 lần) xới vun gốc cây trồng (02 lần).

- Bảo vệ rừng: Phòng chống cháy rừng, sâu bệnh hại; Ngăn chặn tác động tiêu cực đến cây trồng; bố trí lực lượng để bảo vệ rừng, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi phá hoại rừng trồng, không để xảy ra cháy rừng vào mùa khô.

1.6. Tổng dự toán: 17.406.875.285 đồng (Mười bảy tỷ, bốn trăm lẻ sáu triệu, tám trăm bảy mươi năm ngàn, hai trăm tám mươi năm đồng).

**Bảng tổng dự toán vốn đầu tư trồng Gáo nước xã Đức Liễu,
xã Minh Hưng - huyện Bù Đăng.**

Đơn vị: đồng.

Stt	Hạng mục	Xã Đức Liễu	Xã Minh Hưng	Tổng
	TỔNG (A+B+C+D+E+F)	3.125.179.477	14.281.695.808	17.406.875.285
A	Chi Phí Xây dựng	2.750.234.360	12.568.607.840	15.318.842.200
I	Chi phí vật tư	841.510.627	3.845.714.829	4.687.225.456
1	Cây giống	466.688.250	2.132.771.550	2.599.459.800
2	Cây giống trồng dặm	70.031.250	320.043.750	390.075.000
3	Cọc giữ cây	107.848.125	492.867.375	600.715.500
4	Dây buộc	933.937	4.268.103	5.202.040
5	Phân bón	196.009.065	895.764.051	1.091.773.116
II	Nhân công trồng rừng	395.538.330	1.807.615.464	2.203.153.794

III	Chi phí chăm sóc và bảo vệ rừng	1.329.775.785	6.077.093.139	7.406.868.924
1	Chăm sóc và bảo vệ rừng trồng năm thứ nhất	381.418.200	1.743.086.280	2.124.504.480
2	Chăm sóc và bảo vệ rừng trồng năm thứ hai	420.766.425	1.922.908.195	2.343.674.620
3	Chăm sóc và bảo vệ rừng trồng năm thứ ba	349.222.500	1.595.951.500	1.945.174.000
4	Chăm sóc và bảo vệ rừng trồng năm thứ tư	178.368.660	815.147.164	993.515.824
	Giá trị trước thuế	2.566.824.742	11.730.423.432	14.297.248.174
	Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm cây giống và phân bón)	183.409.618	838.184.408	1.021.594.026
B	Chi phí thiết bị			0
C	Chi phí quản lý 3%*(A+B)	82.507.031	377.058.235	459.565.266
D	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	130.528.901	596.122.407	726.651.308
1	Chi phí khảo sát, lập thiết kế dự toán (Mục a.153 Quyết định 38/2005/QĐ-BNN:703 công/100 ha)	54.484.921	248.600.400	303.085.321
2	Chi phí giám sát xây dựng công trình: Bằng 2,435% của Chi phí xây dựng (Bảng 2.21 Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021)	66.968.207	306.045.601	373.013.808
3	Chi lập HSMT đánh giá HSDT: bằng 0,330% của Chi phí xây dựng (Bảng 2.19 Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021)	9.075.773	41.476.406	50.552.179
E	Chi phí khác	13.091.116	59.826.573	72.917.689
1	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu: bằng 0,05% Chi phí xây dựng (NĐ 63/2014/NĐ-CP)	1.375.117	6.284.304	7.659.421
2	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: bằng 0,05% Chi phí xây dựng (NĐ 63/2014/NĐ-CP)	1.375.117	6.284.304	7.659.421
3	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán: bằng 0,376% tổng mức đầu tư được phê duyệt (Điều 20, TT số 10/2020/TT-BTC ngày 20/2/2020)	10.340.881	47.257.965	57.598.846
F	Chi phí dự phòng: bằng 5% tổng chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý, chi phí tư vấn và chi khác (TT 15/2019/TT-BNNPTNT)	148.818.070	680.080.753	828.898.823

1.7. Nguồn vốn: Từ nguồn vốn trồng rừng thay thế của dự án Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico, Công ty Cổ phần Công nghiệp Minh Hưng - Sikico đầu tư 100%.

1.8. Tiến độ thực hiện: Từ năm 2022 đến năm 2026

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và PTNT: Là cơ quan đầu mối có nhiệm vụ chủ trì tham mưu UBND tỉnh trong việc thẩm định thiết kế, dự toán trồng rừng (chịu trách nhiệm với kết quả thẩm định); đồng thời, hướng dẫn Công ty Cổ phần Công nghiệp Minh Hưng - Sikico nộp tiền trồng rừng theo quy định. Hàng năm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, nghiệm thu, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện gửi UBND tỉnh.

2. Công ty Cổ phần Công nghiệp Minh Hưng - Sikico bố trí kinh phí thực hiện trồng rừng theo thiết kế, dự toán được phê duyệt.

3. UBND huyện Bù Đăng chỉ đạo UBND các xã Đức Liễu, Minh Hưng có trách nhiệm phối hợp với Ban QLRPH Bù Đăng, Công ty Cổ phần thủy điện Thác Mơ:

- Tổ chức họp dân để thông báo việc trồng rừng,
- Tiến hành bàn giao hiện trường đất vùng bán ngập để thực hiện trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng trên diện tích trồng rừng bán ngập theo thiết kế được cấp thẩm quyền phê duyệt. Tuyên truyền, vận động người dân tham gia trong công tác trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng bán ngập.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Bù Đăng; Chủ tịch UBND các xã: Đức Liễu, Minh Hưng; Giám đốc Ban QLRPH Bù Đăng, Giám đốc Công ty Cổ phần thủy điện Thác Mơ, Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Minh Hưng - Sikico; Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- LĐVP, Phòng: KT;
- Lưu: VT (Th qd 28-022).



Kí. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Huỳnh Anh Minh